

DANH SÁCH

Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
A. Hộ gia đình, cá nhân									
I. Thành Phố Bạc Liêu									
1	21/6/2023	Trịnh Thị Thanh Vân	DK 069847	126	23	229.2	CLN	phường 8	
2	21/06/2023	Bùi Chí Thanh	DL 121289	213	75	198	ODT	phường 1	
						208,4	NTS		
3	21/6/2023	Trần Kim Việt Lê Văn Ân	H 435847	225	8	210	ODT	phường Nhà Mát	
4	21/06/2023	Ngô Quang Duy	DK 079686	37	16	108,6	ODT	phường 7	
5	21/06/2023	Lê Ngọc Mơ	CU 110644	677	3	77,3	ODT	phường 7	
II. Huyện Vĩnh Lợi									
1	21/06/2023	Trần Thị Kim Yến	CC 559177	744	39	71,3	ONT	thị trấn Châu Hưng	

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
2	21/06/2023	Lâm Minh Trọng	DK 910204	187	53	68,4	CLN	xã Hưng Hội	
			DK 910205	188	53	62,8	CLN		
			DK 910206	189	53	192,2	CLN		
3	21/06/2023	Bành Thanh Nghị Huỳnh Thị Giang Hà	ĐĐ 145899	1036	7	6667,4	LUC	xã Châu Thới	
		Bành Thanh Nghị	BT 498132	137	12	6500			
4	21/06/2023	Lê Thanh Hùng Nguyễn Thị Cẩm	CX 107295	1394	8	3162	LUC	xã Châu Thới	
		Lê Thanh Hùng	AN 136763	914	8	5882	LUC		
5	21/06/2023	Lê Thanh Hùng	BC 406543	906	8	4119	LUC	xã Vĩnh Hưng A	
			AL 931868	1539	8	2592			

III. Huyện Hồng Dân

1	21/6/2023	Nguyễn Tuấn Mắm	DL186353	655	8	30629,1	LUK-NTS	xã Ninh Thạnh Lợi	
			DL186352	228	8	9281,5	LUK-NTS		

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
2	21/6/2023	Võ Văn Lăng	CP608707	1645	5	2830,5	LUC	xã Ninh Hòa	
			CP608708	1646	5	2975,1	LUC		
			CP608709	1630	5	2945,8	LUC		
			CP608710	1668	5	2863,5	LUC		
			CP608711	1607	5	353,1	LUC		
			CP608712	1631	5	2322,8	LUC		
			CP608713	1667	5	2096,6	LUC		
			CP608706	1644	5	6370,5	LUC		
			CQ873408	194	17	180	ONT		
			791,8	LUC					
3	21/6/2023	Huỳnh Văn Lùng	CU123719	28	56	61,5	ODT	thị trấn Ngan Dừa	
4		Nguyễn Văn Đạm	DL005046	400	40	6423,5	LUK-NTS	xã Vĩnh Lộc A	
IV. Huyện Đông Hải									

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
1	20/06/2023	Nguyễn Văn Khang	Đ 583534	117	18	11911	NTS	xã Long Điền	
				811					
				180					
				791					
2	21/06/2023	Đào Vĩnh Hồng Tào Ngọc Vân	CN 612454	302	45	51,7	ODT	thị trấn Gành Hào	
3		Hồ Văn Mười	DL 105973	22	18	360,2	ODT 300 CLN		
4	21/06/2023	Võ Quốc Hận	DK 079114	909	3	1624.1	NTS	xã Long Điền Tây	
DK 079115			908	1926,4					
DK 079116			907	15282.7					
5			Trần Văn Tâm Trần Mỹ Hạnh	DH 646272	185	34	135,1	ONT 80,8 CLN	thị trấn Gành Hào
		DA 873890	491	27	124	NTS			

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
6	21/06/2023	Lê Thị Lộc	DL 121833	644	27	91,9	ODT	thị trấn Gành Hào	
DL 121832			645	444,3		NTS			
7		Lê Quốc Khang Lê Thị Thảo	CV 427467	603	27	340,1	NTS		
			CA 631749	232	47	170,6	ODT		
			DH 488335	631	27	236,1	NTS		
8	21/06/2023	Nguyễn Bích Thùy	DL 172217	145	85	131	ONT	xã Điện Hải	
9		Nguyễn Bích Thùy	DA 831656	172	64	323,6	NTS	xã Long Điện Tây	

V. Huyện Hoà Bình

1	21/06/2023	Lê Minh Nhật	CN 491998	13	19	112,8	ODT	thị trấn Hoà Bình	
2		Đặng Văn Bảnh	BY 996894	349	2	3105	LUC	xã Vĩnh Bình	
			BY 996877	347		2664			
3		Trần Văn Minh	M 560371	1257	4	6820	LUC	xã Vĩnh Bình	
				1258		7500			
				1337		2794			
				1301	5	8294			

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
4		Phạm Thu Phương	DH 870417	43	49	148	CLN	thị trấn Hoà Bình	
			DH 870418	82		75,9			

VI. Thị xã Giá Rai

1	19/06/2023	Hà Thị Lan	CQ 851815	291	3	111,5	CLN	phường Hộ Phòng	
			CQ 851816	292	3	120,8	CLN		
2	21/06/2023	Trần Thị Cơ	BY 600305	1594	4	300	ONT	xã Phong Thạnh Đông	
						339,6	CLN		
			BY 600306	570	4	2073	LUC		
			BY 600307	645	4	1788,2	LUC		
			BY 606192	1780	4	2554,2	LUC		
3	21/06/2023	Trần Thị Ngọc Nhi	DL 194984	288	46	103	ODT	phường Hộ Phòng	
4		Bùi Thị Thanh Vân	BY 558064	49	20	250,7	CLN		
			BY 558019	48	20	253,1	CLN		

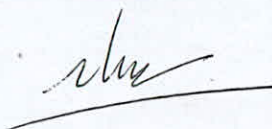
VII. Huyện Phước Long

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
1	20/06/2023	Phan Hồng Nghiệp	AO 008792	94	12	299,5	ONT	xã Vĩnh Phú Đông	
			CD885376	190	12	2740,6	CLN		
			BY 563556	93	12	696,6	CLN		
2		Trịnh Phuong Thiều	AN483791	1331	3	1990,7	LUC	xã Vĩnh Thanh	
			AN 483792	1355	3	3522,4	LUC		
			AN 483794	1316	3	10331,8	LUC		
5	20/06/2023	 Nguyễn Văn Kiên	BI 320701	230	28	300,0	ONT		
			BI 320702	231	28	2235,8	CLN		
			AN 523263	800	6	10064,0	LUC		
			AN 523264	824	6	3242,6	LUC		
6	20/06/2023	Nguyễn Thị Dân	BY563288	1483	6	2810,6	LUC	xã Vĩnh Thanh	
7	20/06/2023	Đặng Văn Nam	BV 069791	52	35	299,9	CLN	xã Vĩnh Thanh	
			BV 069792	55	35	2277,6	CLN		

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
7	20/06/2023	Đặng Văn Nam	BY 633743	83	36	3998,1	CLN	xã Vĩnh Thanh	
			BY 633744	80	36	300,0	ONT		
			BV 069790	1000	25	1590,0	CLN		
3	21/06/2023	Võ Thanh Cường	DL105596	24	26	462,9	CLN	xã Phong Thạnh Tây B	
4		Lê Thanh Thuyền	DL172050	95	3	4082,7	LUC	xã Vĩnh Phú Đông	

Bạc Liêu, ngày 22 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG



Nguyễn Thị Thùy Dung

Nơi nhận:

- Trung tâm CNTTNTNMT(Đăng công thông tin điện tử) ;
- Lưu: TTLT(Dung).

KIỂM TRA VÀ KIỂM ĐỐC
GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG
ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI
THỊ BẠC LIÊU

Nguyễn Văn Đạo